Vietnam Journal of Community Medicine, Vol. 67, Special Issue 3, 354-359

E-CIGARETTE SMOKING AMONG STUDENTS OF TAY THANH HIGH SCHOOL IN 2024: PREVALENCE AND ASSOCIATED FACTORS

Khang Duong Nguyen Gia[1], Tuan Pham Nhat[1], Tien Nguyen Dong Phuong[1], Tan Doan Duy[1]

[1]*University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City - 217 Hong Bang Street, Cho Lon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam*

Received: 13/11/2025
Reviced: 13/01/2026; Accepted: 29/03/2026

ABSTRACT

Objective: To determine the prevalence of e-cigarette use and its associated factors among students at Tay Thanh High School, Tay Thanh Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City, in 2024.

Subjects and Methods: A cross-sectional study was conducted to assess the prevalence of e-cigarette use and related factors among students currently enrolled at Tay Thanh High School, Tan Phu District, Ho Chi Minh City, in 2024.

Results: Among 521 participating students, the 30-day prevalence of current e-cigarette use was 1.92%. Additionally, 4.4% reported an intention to try e-cigarettes. Factors significantly associated with e-cigarette use included sex, alcohol consumption, parental respect, weekly pocket money, exposure to e-cigarette advertising through media (predominantly social media and the Internet), secondhand smoking exposure, and a physically inactive lifestyle.

Conclusion: The prevalence of current e-cigarette use among students at Tay Thanh High School was relatively low and was associated with individual, family, and school-related factors. Social media and the Internet were the most commonly accessed communication channels. These findings suggest that e-cigarettes are increasingly reaching students, highlighting the need for appropriate control and regulatory strategies.

Keywords: e-cigarettes; students; lifestyle; Ho Chi Minh City.

*Corresponding author
Email: dngk.10062000@gmail.com **Phone**: (+84) 364594533 **Http**s://doi.org/10.52163/yhc.v67iCD3.4769

TỈ LỆ HÚT THUỐC LÁ ĐIỆN TỬ VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN Ở HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TÂY THẠNH NĂM 2024

Đường Nguyễn Gia Khang[1], Phạm Nhật Tuấnt[1], Nguyễn Đông Phương Tiên[1], Đoàn Duy Tân[1]

[1] *Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh - 217 Hong Bang Street, Cho Lon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam*

Ngày nhận bài: 13/11/2025
Ngày chỉnh sửa: 13/01/2026; Ngày duyệt đăng: 29/03/2026

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác đinh tỉ lệ hút thuốc lá điện tử và các yếu tố liên quan ở học sinh THPT Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TPHCM năm 2024.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang, khảo sát tỉ lệ hút thuốc lá điện tử và các yếu tố liên quan ở học sinh đang theo học tại trường THPT Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP.HCM năm 2024.

Kết quả: Trong 521 học sinh tham gia, tỉ lệ hiện hút thuốc lá điện tử trong 30 ngày qua là 1,92%. Trong đó 4,4% có xu hướng muốn thử thuốc lá điện tử. Các yếu tố liên quan tới tỉ lệ hút thuốc lá điện tử ở học sinh có ý nghĩa thống kê bao gồm giới, tiêu thụ rượu/bia, sự tôn trọng của phụ huynh, tiền tiêu vặt/tuần, tiếp xúc với quảng cáo thuốc lá điện tử trên các phương tiện truyền thông (trong đó mạng xã hội và internet chiếm phần lớn), hút thuốc lá thụ động, lối sống ít hoạt động thể chất.

Kết luận: Tỉ lệ hiện hút thuốc lá điện tử ở học sinh trường Trung học phổ thông Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tương đối thấp và có liên quan bản thân, gia đình và nhà trường. Mạng xã hội và internet là các phương tiện truyền thông mà học sinh thường xuyên tiếp cần nhất. Nghiên cứu bước đầu cho thuốc lá điện tử đang dần tiếp cận tới học sinh và cần có kế hoạch kiểm soát và quản lý thuốc lá điện tử..

Từ khóa: thuốc lá điện tử, học sinh, lối sống, thành phố hồ chí minh.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thuốc lá điện tử đang trở thành một mối đe dọa sức khỏe toàn cầu với sự gia tăng nhanh chóng về số lượng người sử dụng, đặc biệt là trong giới trẻ. Theo báo cáo của Tổ chức Y tế thế giới năm 2023, số ca tử vong liên quan đến thuốc lá điện tử đã tăng đáng kể [1-3]. Tại Việt Nam, khảo sát hành vi sức khỏe học sinh toàn cầu tại Việt nam 2019 (GSHS 2019) cho thấy tỉ lệ trẻ em sử dụng thuốc lá điện tử đang tăng nhanh cả nước, đặc biệt là ở 2 thành phố lớn là Hà Nội (7,9%) và Hồ Chí Minh (7,9%) [4]. Việc sử dụng thuốc lá điện tử ở nhóm đối tượng này có thể tác động tới sự phát triển về mặt cảm xúc, tâm lý xã hội, trí tuệ hành vi ảnh hưởng tới sức khỏe và cuộc sống sau này. Do đó, hút thuốc lá (HTL) điện tử ở học sinh trung học phổ thông tại TP.HCM cần có sự quan tâm đặc biệt. Sự tiếp xúc ngày càng nhiều với quảng cáo thuốc lá điện tử qua mạng xã hội được cho là yếu tố thúc đẩy hành vi này. Năm 2022, khi các tài liệu hướng dẫn được triển khai tại TP.HCM dẫn đến nhiều thay đổi về thuốc lá điện tử trong học sinh THPT, điều này đặc biệt quan trọng tại trường THPT Tây Thạnh, nơi có đặc thù văn hóa, kinh tế xã hội đa dạng. Từ tình hình thực tế, nghiên cứu này nhằm cung cấp cái nhìn tổng quan về tỉ lệ sử dụng thuốc lá điện tử tại trường THPT Tây Thạnh và các yếu tố liên quan hiện nay, làm cơ sở cho các can thiệp phù hợp nhằm nâng cao nhận thức và giảm thiểu tác hại.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại Trường THPT Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024.

2.3. Đối tượng nghiên cứu

Học sinh đang học tập tại trường THPT Tây Thạnh đồng ý tham gia nghiên cứu và được sự đồng ý từ phụ huynh hoặc người giám hộ. Nghiên cứu tiến hành loại các học sinh vắng mặt 2 lần liên tục và các phiếu trả lời không đầy đủ 100% các thông tin phần hút thuốc lá điện tử trong bộ câu hỏi nghiên cứu cũng được loại khỏi nghiên cứu.

*Tác giả liên hệ
Email: dngk.10062000@gmail.com **Điện thoại:** (+84) 364594533 **Https://doi.org/10.52163/yhc.v67iCD3.4769**

2.4. Cỡ mẫu, chọn mẫu

Mẫu được chọn bằng phương pháp chọn mẫu cụm, áp dụng công thức ước lượng một tỉ lệ để tính cỡ mẫu:

$$n = Z^2_{1-\alpha/2} \frac{p(1-p)}{d^2} \times DE$$

Trong đó: là cỡ mẫu tối thiểu cho nghiên cứu; là Hệ số tin cậy (1,96); α là Mức ý nghĩa (0,05); p: tỉ lệ ước lượng kết cuộc trong dân số p = 0,026 (tỉ lệ HTL điện tử trong 30 ngày qua ở học sinh đang theo học tại trường cấp 3 tại Việt Nam[5]); d: sai số chấp nhận được (0,02); DE: hiệu lực thiết kế (1,88).

Dự phòng mất mẫu 10% các trường hợp vắng mặt hoặc từ chối tham gia nghiên cứu, cỡ mẫu cần lấy là: 510 học sinh.

2.5. Sử dụng kỹ thuật chọn mẫu cụm các lớp tham gia vào nghiên cứu

Bước 1: Chọn mẫu ngẫu nhiên lớp tham gia vào nghiên cứu.

Lập danh sách các lớp 10, 11, 12 của trường trung học phổ thông Tây Thạnh và đánh số thứ tự các lớp ở các khối 10, 11, 12. Trong đó khối 10 có 22 lớp, khối 11 có 20 lớp, khối 12 có 20 lớp.

Mỗi lớp trung bình có 45 học sinh. Nên số lớp cần chọn là 510/45=12 lớp. Vậy chọn 12 lớp tham gia vào nghiên cứu.

Kết quả chọn ngẫu nhiên từ phương pháp bốc thăm và 12 lớp được chọn lần lượt là: 10C9, 10C5, 10C13, 10C20, 11B2, 11B3, 11B10, 11B8, 12A8, 12A4, 12A16, 12A6

Bước 2: Lấy mẫu toàn bộ học sinh của các lớp được chọn vào nghiên cứu.

2.6. Biến số/ chỉ số/ Nội dung/ chủ đề nghiên cứu

Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu: giới tính, học lực, tiền tiêu vặt/tuần.

Hút thuốc lá điện tử trong 30 ngày qua: được xác định là có hút thuốc lá điện tử khi đã thử hút dù chỉ một hơi trong vòng 30 ngày qua

Yếu tố liên quan tới hút thuốc lá điện tử trong 30 ngày qua: cảm giác cô đơn, tiêu thụ rượu/bia, sự tôn trọng của phụ huynh, tiếp xúc với quảng cáo thuốc lá điện tử trên các phương tiên truyền thông. Trong đó biến số liên quan tới tiếp xúc phương tiện truyền thông về quảng cáo và phòng chống thuốc lá điện tử thống kê từ loại phương tiện truyền thông được tiếp xúc nhiều nhất của tất cả các học sinh trong nghiên cứu.

2.7. Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu

Thu thập số liệu bằng phương pháp phát bộ câu hỏi tự điền cho đối tượng tham gia nghiên cứu vào giờ sinh hoạt lớp hoặc sử dụng giờ ra chơi.

Công cụ thu thập số liệu: Bộ câu hỏi tự điền dựa vào bộ câu hỏi của khảo sát thuốc lá ở thanh niên toàn cầu (GYTS) được dịch ra tiếng Việt, bộ câu hỏi khảo sát sức khỏe học sinh tại trường học (GSHS). Những biến số không có, người nghiên cứu sẽ dựa vào nghiên cứu của Lê Thị Thanh Hương [6] và bổ sung thêm câu hỏi thích hợp.

2.8. Xử lý và phân tích số liệu

Nhập liệu bằng phần mềm Epidata, phân tích số liệu bằng phần mềm Stata 14.2.

Thống kê mô tả: tần số và tỉ lệ phần trăm của các biến số định tính. Đối với biến số định lượng có phân phối bình thường: báo cáo trung bình và độ lệch chuẩn, phân phối không bình thường: báo cáo trung vị và khoảng tứ phân vị.

Thống kê phân tích: Sử dụng phép kiểm chi bình phương để so sánh 2 tỉ lệ. Sử dụng kiểm định Fisher nếu có > 20% số ô vọng trị < 5. Ước lượng mối liên quan bằng tỉ số PR, có ý nghĩa thống kê với p < 0,05.

2.9. Đạo đức nghiên cứu

Đối tượng tham gia nghiên cứu được hưởng đầy đủ quyền lợi khi tham gia nghiên cứu. Nghiên cứu đã được xét duyệt bởi hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học số 238/ĐHYD – HĐĐĐ của Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh ngày 29 tháng 01 năm 2024.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc tính mẫu nghiên cứu

Bảng 1. Đặc tính nghiên cứu mẫu (n=521)

Đặc tính mẫu nghiên cứu	Tần số	Tỉ lệ(%)
Giới		
Nam	199	38,2
Nữ	322	61,8
Tiền tiêu vặt/ tuần		
Không tiêu vặt	60	11,5
Dưới 100.000 đồng	156	29,9
Từ 100.000 đến dưới 200.000 đồng	150	28,8
Từ 200.000 đến dưới 300.000 đồng	77	14,8
Từ 300.000 đến dưới 400.000 đồng	29	5,6
Từ 400.000 đến dưới 500.000 đồng	28	5,4
Trên 500.000 đồng	21	4

Kết quả về đặc điểm cá nhân của 521 học sinh cho thấy tỉ lệ nam (38,2%). Hầu hết học sinh đều có tiền tiêu vặt, học sinh có tiền tiêu vặt dưới 100.000 đồng và từ 100.000 đến dưới 200.000 đồng chiếm đa số (29,9% và 28,8%).

3.2. Tỉ lệ hút thuốc lá điện tử ở học sinh

Bảng 2. Tỉ lệ hút thuốc lá điện tử ở học sinh (n=521)

Đặc điểm hút thuốc lá	Tần số	Tỉ lệ (%)
Đã từng hút thuốc lá bất kì		
Có	37	7,1
Không	484	92,9
Xu hướng muốn thử thuốc lá điện tử		
Có	23	4,4
Không	498	95,6
Hiện hút thuốc lá điện tử trong 30 ngày qua		
Có	10	1,9
Không	511	98,1

Qua nghiên cứu cho thấy 7,1% đã từng sử dụng thuốc lá, 4,4% học sinh có xu hướng muốn thử muốn thử thuốc lá điện tử và tỉ lệ hiện đang sử dụng thuốc lá điện tử chiếm 1,9%. 89,4% học sinh sẽ chắc chắn từ chối nếu được mời sử dụng thuốc lá.

3.3. Yếu tố bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội

Bảng 3. Yếu tố bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội (n=521)

Yếu tố bản thân	Tần số	Tỉ lệ(%)
Cảm giác cô đơn		
Có	50	9,6
Không	471	90,4
Tiêu thụ rượu/bia		
Có	116	22,3
Không	405	77,7
Yếu tố gia đình và nhà trường		
Sự tôn trọng của phụ huynh		
Có	471	90,4
Không	50	9,6
Yếu tố xã hội		
Thấy quảng cáo thuốc lá điện tử trên các phương tiện truyền thông		
Cao	17	3,3
Thấp	504	96,7
Phương tiện truyền thông quảng cáo thuốc lá điện tử		
Tivi	32	9,9
Báo, tạp chí	9	2,8
Internet, mạng xã hội	240	74,1
Cửa hàng, tạp hóa	18	5,6
Bao bì sản phẩm	10	3,1
Khác	15	4,61

Phần lớn học sinh không cảm thấy cô đơn (90,4%). Tỉ lệ tiêu thụ rượu bia ở học sinh là 22,3%. Hầu hết học sinh đều có từ một bạn thân trở lên (86,8%). Sự tôn trọng của phụ huynh dành cho học sinh chiếm tới 90,4%. Học sinh thường xuyên thấy quảng cáo thuốc lá điện tử chiếm phần nhỏ chỉ 3,3%, đa phần các em thấy các quảng cáo đó qua internet và mạng xã hội (74,1%).

3.4. Hút thuốc lá điện tử và các yếu tố liên quan

3.4.1. Mối liên quan giữa hút thuốc lá điện tử với đặc tính mẫu và yếu tố bản thân

Bảng 4. Mối liên quan giữa hút thuốc lá điện tử và đặc tính mẫu (n=521)

Đặc tính mẫu nghiên cứu và yếu tố bản thân	Hút thuốc lá điện tử		p	PR (KTC 95%)
	Có (%)	Không (%)		
Giới				
Nam	8 (4)	2 (0,6)	0,008*	6,47 (1,38-30,17)
Nữ	191 (96)	320 (99,4)		
Tiền tiêu vặt/ tuần				
Từ 300.000 đồng trở lên	4 (5,1)	6 (1,4)	0,048*	3,78 (1,09-13,11)*
Dưới 300.000 đồng	74 (94,9)	437 (98,6)		
Cảm giác cô đơn				
Có	4 (8)	6 (1,3)	0,01*	6,28 (1,83-21,51)
Không	46 (92)	465 (98,7)		
Tiêu thụ rượu/bia				
Có	6 (5,2)	4 (1)	0,01*	5,23 (1,5-18,24)
Không	10 (94,8)	401 (99)		

**Kiểm định Fisher; **Hồi quy Poisson*

Những học sinh nam có tỉ lệ hút thuốc lá điện tử bằng 6,47 lần so với tỉ lệ hút thuốc lá điện tử ở học sinh nữ và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (p=0,008, KTC 95%: 1,38-30,17). Những học sinh có tiền tiêu vặt từ 300.000 đồng trên một tuần trở lên có tỉ lệ hút thuốc lá điện tử bằng 3,78 lần tỉ lệ học sinh có tiền tiêu vặt dưới 300.000 đồng trên một tuần và mối liên quan này có ý nghĩa thống kê (p=0,048; KTC 95%: 1,09-13,11).

Những học sinh cảm giác cô đơn có tỉ lệ sử dụng thuốc lá điện tử bằng 6,28 lần tỉ lệ sử dụng thuốc lá điện tử ở học sinh không cảm giác cô đơn và có ý nghĩa thống kê (p=0,01; KTC95%: 1,83-21,51).

Tỉ lệ hút thuốc lá điện tử ở học sinh có tiêu thụ rượu/bia bằng 5,23 lần tỉ lệ hút thuốc lá ở học sinh không tiêu thụ rượu/bia và mối liên quan này có ý nghĩa thống kê (p=0,01; KTC 95%: 1,5-18,24).

3.5. Mối liên quan giữa hút thuốc lá điện tử với yếu tố gia đình và nhà trường

Bảng 5. Mối liên quan hút thuốc lá điện tử với yếu tố gia đình (n=521)

Đặc điểm	Hút thuốc lá điện tử		p	PR (KTC95%)
	Có	Không		
Sự tôn trọng của phụ huynh				
Không	5 (10)	45 (90)	<0,0001	9,42 (2,82-31,42)
Có	5 (1,06)	466 (98,94)		

**Kiểm định Fisher*

Những học sinh có được sự tôn trọng từ phụ huynh thấp sẽ có tỉ lệ hút thuốc lá điện tử bằng 9,42 lần tỉ lệ hút thuốc lá điện tử ở những học sinh có được sự tôn trọng từ phụ huynh cao và mối liên quan này có ý nghĩa thống kê (p<0,0001; KTC 95%: 2,82-31,42).

3.6. Mối liên quan giữa hút thuốc lá điện tử và yếu tố xã hội

Bảng 6. Mối liên quan giữa hút thuốc lá điện tử và yếu tố xã hội (n=521)

Yếu tố xã hội	Hút thuốc lá điện tử		p	PR (KTC95%)
	Có	Không		
Thấy quảng cáo thuốc lá điện tử trên các phương tiện truyền thông				
Cao	3 (17,6)	14 (82,4)	0,003*	12,7 (3,6-44,93)
Thấp	7 (1,4)	497 (98,6)		

**Kiểm định Fisher*

Kết quả cho thấy yếu tố xã hội có liên quan tới tỉ lệ hút thuốc lá điện tử ở học sinh là thấy quảng cáo thuốc lá điện tử trên các phương tiện truyền thông. Những học sinh thường xuyên thấy quảng cáo thuốc lá điện tử trên các phương tiện truyền thông có tỉ lệ hút thuốc lá điện tử bằng 12,7 lần tỉ lệ hút thuốc lá điện tử ở những học sinh ít thấy quảng cáo thuốc lá điện tử trên các phương tiện truyền thông và mối liên quan này có ý nghĩa thống kê (p=0,003; KTC 95%: 3,6-44,93).

4. BÀN LUẬN VÀ KẾT LUẬN

4.1. Tỉ lệ sử dụng thuốc lá điện tử

Trong nghiên cứu này, tỉ lệ học sinh đã từng hút thuốc lá điện tử là 7,1%, trong khi tỉ lệ hiện đang sử dụng trong 30 ngày qua là 1,92%. Tỉ lệ này thấp hơn so với nghiên cứu GSHS 2019 tại Việt Nam (2,6%)[5] và thấp hơn nhiều so với các khảo sát quốc tế, như nghiên cứu của CDC Mỹ (8,1% vào năm 2023)[7]. Xu hướng muốn thử thuốc lá điện tử ở học sinh trường THPT Tây Thạnh (4,4%) tương tự như nghiên cứu của Lê Thị Thanh Hương ở 2 thành phố Hà Nội và TP.HCM trên đối tượng từ 15-24 tuổi[6]. Sự khác biệt này có thể được giải thích bởi mức độ nhận thức ngày càng cao của học sinh sau các chiến dịch tuyên truyền tác hại thuốc lá điện tử được triển khai trong những năm gần đây tại Việt Nam. Tuy nhiên, cần tiếp tục theo dõi sự thay đổi trong xu hướng sử dụng, đặc biệt ở nhóm học sinh nam.

4.2. Yếu tố liên quan đến việc sử dụng thuốc lá điện tử

Học sinh nam có tỉ lệ sử dụng thuốc lá điện tử cao hơn 6,47 lần so với học sinh nữ (p=0,008). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Hoàng Văn Minh [5] và các nghiên cứu quốc tế khác[8], cho thấy yếu tố văn hóa và định kiến xã hội có thể ảnh hưởng đến hành vi sử dụng ở giới nữ. Tiêu thụ rượu/bia: Học sinh có hành vi tiêu thụ rượu/bia có tỉ lệ hút thuốc lá điện tử cao hơn 5,23 lần so với học sinh không tiêu thụ rượu/bia (p=0,01), ở nghiên cứu của Lê Thị Thanh Hương thực hiện trên sinh viên vào năm 2021[9] cũng phát hiện ra mối liên quan trên. Điều này cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa các hành vi nguy cơ ở lứa tuổi học đường, cần được quan tâm trong các chương trình can thiệp. Học sinh không nhận được sự tôn trọng từ phụ huynh có nguy cơ sử dụng thuốc lá điện tử cao hơn 9,42 lần so với nhóm học sinh có sự ủng hộ và tôn trọng từ gia đình (p<0,0001). Kết quả này nhấn mạnh vai trò quan trọng của mối quan hệ gia đình trong việc định hình hành vi của học sinh. Học sinh tiếp xúc thường xuyên với quảng cáo thuốc lá điện tử trên mạng xã hội có nguy cơ sử dụng cao gấp 12,7 lần so với nhóm ít tiếp xúc (p=0,003), yếu tố này cũng được phát hiện trong nghiên cứu của Lê Thị Châu An thực hiện trên các trường THPT quận Tân Bình [10]. Internet và mạng xã hội hiện là kênh quảng bá chính, cần được quản lý chặt chẽ để giảm thiểu tác động tiêu cực đến học sinh. Nghiên cứu sử dụng thiết kế cắt ngang nên không thể xác định mối quan hệ nhân quả giữa các yếu tố liên quan và hành vi hút thuốc lá điện tử. Ngoài ra, mẫu nghiên cứu chỉ tập trung tại một trường THPT, nên kết quả có thể không đại diện hoàn toàn cho toàn bộ học sinh tại TP.HCM. Cỡ mẫu cũng có giới hạn trong việc kiểm định mối liên hệ với một số yếu tố ít phổ biến.

5. HẠN CHẾ

Một trong những hạn chế của nghiên cứu này nằm ở phương pháp phân tích thống kê. Mặc dù nghiên cứu sử dụng thiết kế chọn mẫu cụm một bậc (chọn ngẫu nhiên các lớp học), các kiểm định thống kê và ước lượng mô hình hồi quy trong bài lại được thực hiện dựa trên giả định của chọn mẫu ngẫu nhiên đơn. Việc phân tích chưa đưa biến 'cụm' (lớp học) vào mô hình có thể đã bỏ qua sự tương đồng về đặc điểm và hành vi của các học sinh trong cùng một lớp. Điều này dẫn đến sai số chuẩn bị ước lượng thấp hơn thực tế, làm cho khoảng tin cậy 95% có thể bị hẹp giả tạo và một số giá trị p bị đánh giá thấp hơn mức thực tế. Do đó, một số mối liên quan có ý nghĩa thống kê trong nghiên cứu này cần được diễn giải một cách thận trọng và cần được kiểm chứng lại bằng các mô hình phân tích mẫu phức hợp trong các nghiên cứu tương lai.

6. KẾT LUẬN

Nghiên cứu xác định tỉ lệ học sinh trường THPT Tây Thạnh hút thuốc lá điện tử trong 30 ngày qua thấp hơn so với các nghiên cứu khác tại Việt Nam và quốc tế, nhưng vẫn cảnh báo về nguy cơ gia tăng trong tương lai. Các yếu tố cá nhân, gia đình và xã hội có liên quan đáng kể đến hành vi này, bao gồm giới tính nam, tiền tiêu vặt hàng tuần trên 300.000 đồng, cảm giác cô đơn, tiêu thụ rượu/bia, sự tôn trọng từ phụ huynh thấp, và tiếp xúc với quảng cáo thuốc lá điện tử trên mạng xã hội.

Nghiên cứu cũng đưa ra vai trò quan trọng của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc giảm thiểu hành vi hút thuốc lá điện tử ở học sinh. Cần có các biện pháp can thiệp sớm như kiểm soát nội dung quảng cáo trên internet, giáo dục nhận thức cho học sinh và phụ huynh, cũng như tăng cường các chương trình ngoại khóa để giảm thiểu tác động của các yếu tố nguy cơ.

7. TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] World Health Organization. WHO report on the global tobacco epidemic, 2023: protect people from tobacco smoke [Internet]. Geneva: WHO; 2023 [cited 2023 Oct 14]. Available from: https://www.who.int/publications-detail-redirect/9789240077164

[2] World Health Organization. WHO global report on trends in prevalence of tobacco use 2000–2025, 4th ed. Geneva: WHO; 2021 [cited 2023 Oct 14]. Available from: https://www.who.int/publications-detail-redirect/9789240039322

[3] Al-Delaimy WK, Myers MG, Leas EC, Strong DR, Hofstetter CR. E-cigarette use in the past and quitting behavior in the future: a population-based study. Am J Public Health. 2015;105(6):1213–9. doi:10.2105/AJPH.2014.302482

[4] World Health Organization. WHO, Ministry of Health and Ministry of Education and Training launch report on Vietnamese students' health [Internet]. Hanoi: WHO Vietnam; 2022 May 24 [cited 2023 Oct 23]. Available from: https://www.who.int/vietnam/vi/news/detail/24-05-2022-who--ministry-of-health-and-ministry-of-education-and-training--launch-report-on-vietnamese-students--health

[5] Hoang VM, Khuong QL, Do VV, et al. Tobacco and electronic cigarette smoking among in-school adolescents in Vietnam between 2013 and 2019: prevalence and associated factors. Glob Health Action. 2022;15(1):2114616. doi:10.1080/16549716.2022.2114616

[6] Le TT Huong, Le M Dat, Le T Hoang, Nguyen T Thang. Exposure to e-cigarette advertising and its association with e-cigarette use among youth and adolescents in two largest cities in Vietnam, 2020. Health Serv Res Manag Epidemiol. 2023;16:1179173X231179676. doi:10.1177/1179173X231179676

[7] Centers for Disease Control and Prevention. Youth and tobacco use [Internet]. Atlanta: CDC; 2023 Jun 1 [cited 2023 Oct 22]. Available from: https://www.cdc.gov/tobacco/data_statistics/fact_sheets/youth_data/tobacco_use/index.htm

[8] Xiao L, Parascandola M, Wang C, Jiang Y. Perception and current use of e-cigarettes among youth in China. Nicotine Tob Res. 2018;21(10):1401–7. doi:10.1093/ntr/nty145

[9] Le TT Huong, Tran ATV, Nguyen AQ, Tran TTT. E-cigarette use among university students from one university in Hanoi, Vietnam, and associated factors. Asian Pac J Cancer Prev. 2022;23(11):3649–55. doi:10.31557/APJCP.2022.23.11.3649

[10] Lê Thị Châu An, Nguyễn Hoàng Phúc Nguyên, Trương Thành Nhân. Thực trạng hút thuốc lá và các yếu tố liên quan của học sinh trung học phổ thông tại quận Tân Bình năm 2023. Tạp chí Y Dược Thực hành 175. 2023;(36):9. doi:10.59354/ydth175.2023.230